

Tăng tỷ trọng

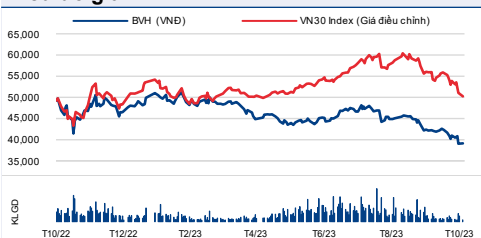
Giá mục tiêu: VNĐ50,000

Tiềm năng tăng/giảm: 28.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2023)	38,900
Mã Bloomberg	BVH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	38,900-51,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	39,183
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	28,876
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,175
Slg CP lưu hành (tr.đv)	742
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	364
Slg CP NN được mua (tr.đv)	164
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	26.9%
Tỷ lệ freefloat	9.93%
Cổ đông lớn	Bộ Tài chính (65.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
Phí BH gốc (nghìn tỷ đ)	43.0	42.6	45.0
DT thuần HDBH (ntđ)	40.7	40.3	42.4
CP trực tiếp HDBH (ntđ)	(42.9)	(44.6)	(46.6)
Lãi/lỗ góp HD BH (ntđ)	(2.18)	(4.26)	(4.18)
LN HD tài chính (ntđ)	8.08	10.6	10.6
Lợi nhuận thuần (ntđ)	1.55	1.92	1.86
EPS (đồng)	2,089	2,586	2,509
DPS (đồng)	3,000	954	1,000
BVPS (đồng)	27,468	28,983	30,492
T.trưởng DT HDBH (%)	11.2	(0.67)	5.17
Tăng giảm BT & DP (%)	15.0	6.42	3.81
Tăng trưởng EPS (%)	(18.2)	23.7	(2.95)
Tăng trưởng DPS (%)	234	(68.2)	4.82
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	144	36.9	39.9
ROAE (%)	7.46	9.16	8.44
ROAA (%)	0.84	0.89	0.78
Vốn CSH/Tài sản (%)	10.1	9.43	9.07
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	6.43	7.57	7.65
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	93.6	92.4	92.3
Tỷ lệ bồi thường (%)	88.9	95.4	94.2
P/E (lần)	18.6	15.0	15.5
P/B (lần)	1.42	1.34	1.28
Lợi suất cổ tức (%)	7.71	2.45	2.57

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

BVH là công ty BH nhân thọ & phi nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam với thị phần tương ứng 18.6% và 14.6% trong năm 2022.

Chuyên viên phân tích

Vũ Thế Quân

Chuyên viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
quan.vthe@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

EPS Q3/2023 tăng trưởng nhưng thấp hơn kỳ vọng một chút

- BVH đã công bố lợi nhuận thuần Q3/2023 đạt 434 tỷ đồng, tăng 12% với lợi nhuận HD tài chính tăng 40% so với cùng kỳ nhưng lỗ HĐKD BH cũng tăng 49%. Lợi nhuận thuần 9 tháng bằng 71% dự báo của HSC cho cả năm 2023.
- Phí BH gốc mảng nhân thọ Q3/2023 giảm 4% xuống còn 7,9 nghìn tỷ đồng nhưng lợi nhuận thuần tăng 8% lên 271 tỷ đồng. Phí BH gốc mảng phi nhân thọ tăng 4% đạt 2,6 nghìn tỷ đồng nhưng lợi nhuận thuần giảm 31% còn 28 tỷ đồng.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau KQKD Q3/2023 kém khả quan và giá cổ phiếu giảm gần đây. Hiện BVH có P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,29 lần; thấp hơn 2,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ đầu 2020.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2023

BVH đã công bố lợi nhuận thuần Q3/2023 đạt 434 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ với lợi nhuận HD tài chính tăng 40% so với cùng kỳ nhưng lỗ HĐKD BH cũng tăng 49% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận thuần (tăng 15% so với cùng kỳ) bằng 71% dự báo của HSC cho cả năm 2023, thấp hơn dự báo vì tăng trưởng phí BH kém hơn kỳ vọng trong khi chi phí dự phòng mảng nhân thọ cao hơn dự tính. Tuy nhiên, lợi nhuận HD tài chính tốt hơn dự kiến.

Lợi nhuận HD tài chính tăng nhờ lợi suất tiền gửi tăng

Lợi nhuận HD tài chính Q3/2023 tăng 40% so với cùng kỳ đạt 2.849 tỷ đồng nhờ lợi suất đầu tư thuần đạt 5,93% (tăng 50 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 120 điểm cơ bản so với cùng kỳ) và quy mô danh mục đầu tư bình quân tăng 13%. Lợi suất đầu tư cải thiện chủ yếu nhờ lợi suất tiền gửi tăng mạnh lên 7,56% (giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước nhưng tăng 235 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2023 và 9 tháng đầu năm 2023, BVH

Tỷ đồng	Q3/22	Q3/23	% sv cùng kỳ	9T/22	9T/23	% sv cùng kỳ
Phí BH gốc mảng nhân thọ	8,235	7,870	-4%	24,457	23,906	-2%
Phí BH gốc mảng phi nhân thọ	2,513	2,619	4%	7,266	7,460	3%
Chi bồi thường và chi trả đáo hạn	(3,601)	(4,607)	28%	(10,359)	(13,638)	32%
Chi phí dự phòng	(5,330)	(5,000)	-6%	(15,868)	(14,538)	-8%
Chi phí khai thác	(1,682)	(1,398)	-17%	(5,191)	(4,524)	-13%
Chi phí BH&QL	(1,010)	(1,064)	5%	(3,183)	(3,237)	2%
Lỗ hoạt động	(1,561)	(2,324)	49%	(4,457)	(6,441)	45%
Lãi (lỗ) tài chính ròng	2,041	2,849	40%	5,940	8,078	36%
LNTT	506	548	8%	1,554	1,712	10%
Lợi nhuận thuần - BVH	386	434	12%	1,189	1,364	15%
Lợi nhuận thuần – nhân thọ	250	271	8%	730	796	9%
Lợi nhuận thuần – phi nhân thọ	41	28	-31%	171	178	4%
Lợi suất góp HD đầu tư	5.73%	7.22%	148bps	5.87%	7.10%	122bps
Lợi suất thuần HD đầu tư	4.73%	5.93%	120bps	4.81%	5.59%	79bps
Tỷ lệ kết hợp	103.2%	106.5%	3.3pts	101.8%	104.0%	2.2pts

Nguồn: BVH, HSC

Trong khi đó, những yếu tố không tích cực đối với hoạt động đầu tư gồm: (1) lợi suất trái phiếu giảm còn 5,56% (giảm 25 điểm cơ bản so với cùng kỳ) và (2) số dư repo tăng mạnh (tăng 25,5% so với cùng kỳ) và lãi suất đi vay tăng lên 5,57% (tăng 227 điểm cơ bản so với quý trước). Nói chung, kết quả hoạt động đầu tư của BVH tích cực hơn kỳ vọng của HSC, chủ yếu nhờ lợi suất tiền gửi cao hơn ước tính.

Tăng trưởng phí BH nhân thọ vẫn tiêu cực

Phí BH gốc mảng nhân thọ của BVH giảm 4,4% so với cùng kỳ trong Q3/2023 (giảm 2,2% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2023) với nhu cầu đối với sản phẩm BH tiếp tục yếu. Trong lần trao đổi gần nhất với BVH, Công ty cho biết thời kỳ tăng trưởng (so với cùng kỳ) kém nhất có lẽ đã qua. Tuy nhiên, HSC không cho rằng sự hồi phục sẽ diễn ra mạnh mẽ, mà thay vào đó sẽ diễn ra từ từ. Thông tin tích cực là BVH đang giành thêm thị phần và vẫn là doanh nghiệp lớn nhất trong ngành về quy mô phí BH gốc.

Chi bồi thường/chi trả đáo hạn lĩnh vực nhân thọ giảm so với quý trước

Như HSC đã nhấn mạnh trong các báo cáo trước đây, một thách thức đối với mảng BH nhân thọ của BVH trong những quý gần đây là chi bồi thường & chi trả đáo hạn tăng mạnh. Trong Q3/2023, chi phí này cuối cùng đã giảm so với quý trước, giảm 6,9% xuống còn 3.688 tỷ đồng (nhưng vẫn tăng 38,8% so với cùng kỳ), đúng như dự đoán đã được BVH chia sẻ trong cuộc gặp gần đây với chúng tôi là chi giá trị hoàn lại có thể sẽ sớm đạt đỉnh và ổn định trở lại.

Trong khi đó, chi phí dự phòng toán học mảng BH nhân thọ gần như đi ngang so với cùng kỳ ở mức 4.892 tỷ đồng. HSC ước tính lãi suất chiết khấu kỹ thuật tối đa tại thời điểm cuối Q3/2023 là 2,65% (tăng 6 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 37 điểm cơ bản so với đầu năm).

KQKD mảng BH phi nhân thọ vẫn ổn định trong 9 tháng đầu năm 2023

Phí BH gốc Q3/2023 tăng 4,2% so với cùng kỳ (9 tháng đầu năm 2023 tăng 2,7% so với cùng kỳ), cao hơn một chút so với tốc độ tăng trưởng của ngành ở mức 4,1%.

Về hiệu quả hoạt động, HSC ước tính tỷ lệ kết hợp Q3/2023 là 106,5% (tăng 3,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ) với tỷ lệ tổn thất là 59,9% (tăng 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ) và tỷ lệ chi phí là 48,6% (tăng 2,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ). Trong 9 tháng đầu năm 2023, HSC ước tính tỷ lệ kết hợp là 104,0% (tăng 2,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ) với tỷ lệ tổn thất 55,3% (đi ngang so với cùng kỳ) và tỷ lệ chi phí 48,6% (tăng 2,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ).

Mặc dù lợi nhuận giảm và tỷ lệ kết hợp tăng trong Q3/2023, kết quả mảng BH phi nhân thọ của BVH vẫn ổn định trong 9 tháng đầu năm 2023 với phí BH tăng trưởng ở mức vừa phải trong khi tỷ lệ kết hợp tăng từ nền thấp trong Q1/2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 là điều dễ hiểu. HSC vẫn kỳ vọng BVH sẽ đưa tỷ lệ kết hợp về 100% trong tương lai.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị Tăng tỷ trọng sau khi phân tích KQKD Q3/2023 kém hơn kỳ vọng và giá cổ phiếu giảm gần đây. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng định giá đang rẻ với P/B trước dự phóng 1 năm ở mức 1,29 lần; thấp hơn 2,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ đầu năm 2020 ở mức 1,87 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Phí bảo hiểm gốc	39.5	43.0	42.6	45.0	49.6
Phí nhận tái BH	0.16	0.16	0.16	0.16	0.16
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng	0.33	(0.47)	0.08	0	0
Doanh thu phí BH	40.0	42.7	42.9	45.1	49.8
Phí nhượng tái BH	(4.10)	(2.74)	(3.25)	(3.46)	(3.73)
Doanh thu phí BH thuần	35.9	39.9	39.6	41.7	46.1
Doanh thu khác	0.94	0.78	0.69	0.74	0.80
Doanh thu thuần HĐ BH	36.8	40.7	40.3	42.4	46.9
Chi bồi thường bảo hiểm và dự phòng	(31.5)	(36.2)	(38.5)	(40.0)	(44.7)
Chi b.thường BH và chi trả đ.hạn khác (ròng)	(6.99)	(6.72)	(6.03)	(6.57)	(7.40)
Khoản giảm trừ chi phí, thu đòi và thu khác	(0.04)	0.03	(0.06)	(0.07)	(0.08)
Tổng chi phí trực tiếp HĐ BH	(38.5)	(42.9)	(44.6)	(46.6)	(52.2)
Lãi/lỗ gộp HĐ BH	(1.66)	(2.18)	(4.26)	(4.18)	(5.36)
Chi phí quản lý	(4.00)	(4.02)	(4.05)	(4.13)	(4.21)
Lợi nhuận HĐ tài chính	7.85	8.08	10.6	10.6	12.3
LN trong Cty LD, LK	0.09	0.09	0.09	0.08	0.08
Lợi nhuận khác	0.09	0.04	0.05	0.06	0.06
LNTT	2.38	2.01	2.42	2.42	2.86
Chi phí thuế TNDN	(0.37)	(0.38)	(0.42)	(0.42)	(0.50)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.11)	(0.07)	(0.09)	(0.14)	(0.15)
Lợi nhuận thuần	1.90	1.55	1.92	1.86	2.21
EPS (đồng)	2,555	2,089	2,586	2,509	2,974
DPS (đồng)	899	3,000	954	1,000	1,100
BVPS (đồng)	28,527	27,468	28,983	30,492	32,367
Sig CP bình quân (triệu đv)	742	742	742	742	742
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng phí BH gốc (%)	4.71	8.75	(0.73)	5.48	10.3
Tăng trưởng doanh thu phí BH thuần (%)	7.32	11.2	(0.67)	5.17	10.5
Tăng/giảm phí bồi thường và dự phòng (%)	5.91	15.0	6.42	3.81	12.0
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ tài chính (%)	2.59	2.93	31.0	0.02	16.1
Tăng trưởng LNTT (%)	21.7	(15.4)	20.6	0.03	18.1
Tăng trưởng lợi nhuận thuần (%)	18.7	(18.2)	23.7	(2.95)	18.5
Tăng trưởng tổng tài sản (%)	15.1	19.0	13.1	9.39	10.1
Định giá					
P/E (lần)	15.2	18.6	15.0	15.5	13.1
P/B (lần)	1.36	1.42	1.34	1.28	1.20
Lợi suất cổ tức (%)	2.31	7.71	2.45	2.57	2.83

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	5.35	2.21	2.72	2.88	3.22
Đầu tư ngắn hạn	79.2	99.8	114	125	138
Phải thu ngắn hạn	9.23	9.02	9.56	10.1	11.1
Hàng tồn kho	0.16	0.13	0.12	0.12	0.14
Tài sản tái BH	2.13	2.95	2.51	2.64	2.92
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	0.66	0.50	0.53	0.58
Tổng tài sản ngắn hạn	96.7	115	129	141	156
Phải thu dài hạn	0.07	0.08	0.03	0.03	0.03
Tài sản cố định	2.37	2.32	2.22	2.12	2.02
Đầu tư vào Cty LD, LK	3.98	3.91	3.86	3.86	3.86
Đầu tư dài hạn khác	66.2	80.4	92.7	102	113
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.25	0.09	0.09	0.09
Tổng tài sản dài hạn	72.8	86.9	98.9	108	119
Tổng tài sản	169	202	228	249	275
Nợ phải trả và VCSH					
Phải trả người bán	2.25	2.46	1.84	1.94	2.14
Phải trả người lao động	1.54	1.37	0.54	0.57	0.63
Phải trả hợp đồng repo	13.2	25.7	32.9	31.9	30.9
Doanh thu chưa thực hiện	0.24	0.20	0.07	0.08	0.08
Nợ ngắn hạn	2.51	0.98	1.50	1.50	1.50
Phải trả ngắn hạn khác	0.21	0.16	0.09	0.10	0.11
Nợ ngắn hạn khác	1.66	1.64	0.98	1.03	1.14
Tổng nợ ngắn hạn	21.6	32.5	37.9	37.1	36.5
Dự phòng nghiệp vụ BH	125	147	167	188	212
Nợ dài hạn	0.27	0.09	0.25	0.25	0.25
Nợ dài hạn khác	0.29	0.30	0.31	0.31	0.31
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	147	180	206	226	249
Vốn điều lệ	7.42	7.42	7.42	7.42	7.42
Thặng dư vốn cổ phần	7.31	7.31	7.31	7.31	7.31
Quỹ & quỹ dự trữ	1.98	2.35	3.34	3.73	4.11
Lợi nhuận giữ lại	4.46	3.31	3.44	4.17	5.18
Vốn chủ sở hữu	21.2	20.4	21.5	22.6	24.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.84	0.88	0.96	1.10	1.26
Tổng vốn chủ sở hữu	22.0	21.3	22.5	23.7	25.3
Tổng nợ phải trả và VCSH	169	202	228	249	275
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	1.20	0.84	0.89	0.78	0.84
ROAE (%)	9.21	7.46	9.16	8.44	9.46
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.2	144	36.9	39.9	37.0
Chỉ số an toàn vốn					
VCSH/Tài sản (%)	12.5	10.1	9.43	9.07	8.75
Tài sản BQ/VCSH BQ (x)	7.69	8.93	10.3	10.8	11.2
Chỉ số HKKD bảo hiểm					
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	10.3	6.43	7.57	7.65	7.50
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	89.7	93.6	92.4	92.3	92.5
Tỷ lệ bồi thường (%)	85.4	88.9	95.4	94.2	95.5
Tỷ lệ chi phí (%)	29.8	26.4	25.0	25.2	24.8
Tỷ lệ hỗn hợp (%)	115	115	120	119	120

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn